

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Đoàn Minh Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Quốc K - Sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện CL, tỉnh BT. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/05/2020, bản tự khai ngày 16/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà T trình bày: bà T, ông K tự nguyện tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 02/12/2008. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến

năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K thường xuyên tụ tập đi chơi với bạn bè xấu nhiều ngày không về nhà, không chăm lo kinh tế gia đình nên bà T với ông K đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, mà không thể trao đổi hàn gắn quan hệ vợ chồng. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: bà T và ông K có hai người con chung tên Võ Khánh N, sinh ngày 08/11/2008 và Võ Như N, sinh ngày 11/5/2013, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu con theo ai người đó nuôi và người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông K mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản hòa giải và bản tự khai ngày 27/7/2020 ông K đã trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, không ai trao đổi nhằm hàn gắn, bản thân ông cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T và không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: có hai người con chung như bà T trình bày. Về con chung ông K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Võ Như N, sinh ngày 11/5/2013 và đồng ý giao cho bà T nuôi cháu Võ Khánh N, sinh ngày 08/11/2008, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: qua lời trình bày của bà T và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà với ông K đã có sự mâu

thuần trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn gia đình, bà T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Võ Quốc K nên đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Võ Quốc K hiện đang cư trú tại là ấp L, xã V, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn (ông K) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt ông theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, bà T, ông K có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 02/12/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân cho thấy: tại biên bản hòa giải, bản tự khai thì bà T và ông K đều xác định đã có sự mâu thuẫn nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay mà không hàn gắn được, trong khoảng thời gian sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm cuộc sống của nhau. Trong quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã mời các bên đến hòa giải ngày 27/7/2020 thì bà T, ông K thuận tình ly hôn và chấp nhận các yêu cầu của bà T về con chung, tài sản và nợ chung. Tuy nhiên, trong quá trình chờ Tòa lập biên bản thì ông K tự ý bỏ về không ký tên vào biên bản đến khi ông K được triệu tập tham gia phiên tòa thì ông K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, điều đó càng chứng tỏ ông K không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà T. Mặc khác, theo kết quả xác minh tại địa phương ngày 17/7/2020 thì ông K là người sử dụng trái phép chất ma túy nên cuộc sống hôn nhân của bà T, ông K đã có sự mâu thuẫn. Mặc dù, ông K vắng mặt nhưng Hội đồng xét xử đã động viên hàng hàn gắn cuộc hôn nhân của ông bà, nhưng bà T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông K, không thể tiếp tục chung sống với ông K.

Do đó, trên cơ sở lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ để chấp nhận.

Bà T, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu về con chung: Theo biên bản xác minh ngày 17/7/2020 cho thấy bà T hiện đang nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo hai người con chung của bà T, ông K là cháu Võ Khánh N, sinh ngày 08/11/2008 và cháu Võ Như N, sinh ngày 11/5/2013 từ khi ông bà sống ly thân từ năm 2018 đến nay, chứng tỏ bà T có điều kiện để nuôi hai cháu như lời trình bày của bà. Mặt khác, tại biên bản hỏi ý kiến của con từ 7 tuổi trở lên ngày 16/7/2020 thì nguyện vọng của hai cháu muốn sống với mẹ. Ông K có yêu cầu nuôi cháu Như N nhưng hiện tại ông là người sử dụng trái phép chất ma túy nên để đảm bảo quyền lợi cho các cháu thì cần thiết giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu là phù hợp với qui định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí: bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Võ Quốc K. Bà T, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung giữa bà với ông K là cháu Võ Khánh N, sinh ngày 08/11/2008 và cháu Võ Như N, sinh ngày 11/5/2013, hiện hai cháu đang sống chung với bà T. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà T, ông K có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà T nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0011231, ngày 28 tháng 05 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: bà T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã V;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ THỊ THÚY HẰNG